

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 12 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:
Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 76/2020/DS – ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2022/QĐXX-PT ngày 03/11/2022

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 8, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định; (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 9, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định; (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 8, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định; (có mặt).

4. Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 9, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định; (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 9, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lâm Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P trình bày:

Năm 2018, bà Trần Thị T là người cùng xã có đến nhà vợ chồng bà Lâm Thị T, ông Phạm Văn P đề hỏi vay tiền, do quen biết tin tưởng nên vợ chồng bà Tuyết, ông Phong có cho bà Thoa vay 2 lần: Ngày 29-10-2018 vay số tiền 200.000.000đ và ngày 15-11-2018 vay số tiền 200.000.000đ, bà Thoa có viết và ký giấy vay nợ cho vợ chồng bà Tuyết, ông Phong giữ bản gốc lãi suất thỏa thuận miệng là 20%/năm. Ngày 15-02-2019, vợ chồng bà Tuyết, ông Phong cho bà Thoa vay thêm 100.000.000đ, lãi suất vẫn thỏa thuận miệng là 20%/năm, bà Thoa có viết và ký giấy vay tiền hứa vay số tiền này trả cho ông bà trong thời hạn 20 ngày đưa cho vợ chồng bà Tuyết, ông Phong giữ giấy biên nhận nợ gốc; Ba lần vay trên vì bà Thoa nói với vợ chồng bà Tuyết, ông Phong là ông Toàn chồng bà Thoa thường xuyên đi làm Hà Nội không có ở nhà và cũng nhất trí việc bà Thoa vay tiền của vợ chồng bà Tuyết, ông Phong vì tin tưởng nên ông Phong không yêu cầu ông Toàn cùng ký giấy vay nợ với bà Thoa. Tổng số tiền 3 lần vợ chồng bà Tuyết, ông Phong cho bà Thoa vay là 500.000.000đ tiền gốc, từ khi vay đến nay bà Thoa chưa trả lãi cho bà Tuyết, ông Phong. Năm 2020 ông Phong, bà Tuyết có nhu cầu mua đất có đòi nợ tiền bà Thoa, ông Toàn nhiều lần đề đi mua đất thì bà Thoa chủ động đặt vấn đề là bán mảnh đất thửa số 85, tờ bản đồ số 27 diện tích 105m² thổ đất tại xóm 5, xã HL. Bà Thoa nói với bà Tuyết, ông Phong hiện bà không có tiền để trả nợ cho bà Tuyết, ông Phong khoản nợ gốc 500.000.000đ nên muốn chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng bà Tuyết, ông Phong. Giá đất thời điểm đó chưa đến 400.000.000đ nhưng vợ chồng bà Tuyết, ông Phong cũng nghĩ thôi mua đất ở đâu cũng là mua và nếu ông Toàn, bà Thoa không trả nợ cho ông bà thì cũng không có tiền mua đất chỗ khác nên chấp nhận, đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất trên của vợ chồng bà Thoa, ông Toàn với giá 500.000.000đ đắt hơn 100.000.000đ so với giá thị trường để trừ vào số tiền nợ gốc bà Thoa đang nợ. Sau đó để thống nhất việc này bà Thoa, ông Toàn đã có đơn đề nghị xã HL chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng bà Tuyết, ông Phong đưa cho ông Phong giữ nhưng sau đó do bà Tuyết phải đi mò tìm ở Hà Nội nên việc làm thủ tục chuyển nhượng đất bị dừng lại chưa làm được.

Ngày 12-3-2020, bà Thoa lại đến nhà vợ chồng bà Tuyết, ông Phong hỏi vay số tiền 200.000.000đ để trả nợ bà Nhài, ông Thực và nhờ ông Phong mang trả nợ ngân hàng nông nghiệp, sau khi hỏi vay ông Phong đồng ý bà Thoa như mọi lần có viết cho ông Phong một giấy ghi nhận nợ vợ chồng ông Phong, bà Tuyết số tiền 200.000.000đ và còn cam kết nếu không thanh toán thì chịu trách nhiệm

trước pháp luật. Khoản vay này hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 20%/năm, đến nay bà Thoa cũng chưa trả lãi cho vợ chồng bà Tuyết, ông Phong lần nào.

Tháng 4/2020, vợ chồng bà Tuyết, ông Phong có đề nghị bà Thoa, ông Toàn làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 27 diện tích 105m² ở xóm 5 xã HL đứng tên vợ chồng ông Toàn, bà Thoa cho vợ chồng ông Phong, bà Tuyết theo đơn đề nghị của bà Thoa gửi UBND xã đưa cho ông giữ, nhưng sau khi làm hợp đồng gọi vợ chồng bà Thoa ông Toàn lên xã làm thủ tục thì bà Thoa lại không nhất trí làm thủ tục chuyển nhượng cho ông bà nữa.

Vì vậy bà Tuyết đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện HH giải quyết yêu cầu Tòa án công nhận “ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo giấy viết tay đề nghị của vợ chồng ông Toàn, bà Thoa gửi UBND xã HL và kiện đòi khoản vay 200.000.000đ mà bà Thoa vay ông Phong, bà Tuyết để giúp bà Nhài trả nợ ngân hàng.

Quá trình giải quyết, ông Phong, bà Tuyết có yêu cầu thay đổi xin rút “yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với vợ chồng ông Toàn, bà Thoa mà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản và đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị T phải trả cho vợ chồng bà Tuyết, ông Phong số tiền nợ gốc là 700.000.000đ và lãi của số tiền gốc 600.000.000đ từ khi vay đến nay là 20%/năm như hai bên đã thỏa thuận khi vay, còn khoản vay 100.000.000đ ngày 15-02-2019 hết hạn nên bà Tuyết, ông Phong không yêu cầu tính lãi.

* Tại các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị Ninh trình bày:

Bà Thoa công nhận có vay tiền của bà Tuyết, ông Phong ba lần như bà Tuyết ông Phong trình bày gồm: Ngày 29-10-2018 vay số tiền 200.000.000đ; ngày 15-11-2018 vay số tiền 200.000.000đ; ngày 15-02-2019 vay số tiền 100.000.000đ. Tổng ba lần vay là 500.000.000đ tiền gốc, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,2%/tháng, tiền lãi bà Thoa đã trả đến hết tháng 3/2020 nhưng nay bà Thoa không có tài liệu chứng cứ chứng minh lãi đã trả. Ba lần vay trên bà Thoa đều vay giúp bạn bè, người quen . Do đó, việc bà Thoa vay ba lần trên không liên quan đến ông Toàn, bà Thoa cũng không nói cho ông Toàn biết. Vì những người bà Thoa vay tiền giúp sau đó đều bị vỡ nợ bỏ nhà đi chưa trả tiền cho bà Thoa nên bà Thoa không có trả cho bà Tuyết, ông Phong. Đến ngày 10-9-2019, ông Phong muốn mua lại mảnh đất của vợ chồng bà có diện tích 105m² thửa đất số 85, tờ bản đồ số 27 xã HL, bà Thoa công nhận có ký phần dưới thay mặt gia đình, còn chữ ông Toàn bà Thoa không nhớ do ai viết. Do đó, bà Thoa không nhất trí chuyển nhượng đất này cho vợ chồng ông Phong, bà Tuyết vì thực chất việc này là vay nợ chứ không phải là mua bán chuyển nhượng đất. Nay bà Tuyết, ông Phong xin rút yêu cầu Tòa án “công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất” thì

bà Thoa nhất trí. Vợ chồng ông Phong, bà Tuyết yêu cầu bà trả nợ khoản vay gốc 700.000.000đ và lãi là 20%/ năm bà Thoa có ý kiến như sau:

Bà Thoa công nhận có vay của vợ chồng ông Phong, bà Tuyết 500.000.000đ tiền gốc với ba lần vay Ngày 29-10-2018 vay số tiền 200.000.000đ; ngày 15-11-2018 vay số tiền 200.000.000đ; ngày 15-02-2019 vay số tiền 100.000.000đ là đúng. Tuy nhiên hai bên chỉ thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng chứ không phải là 20%/năm như bà Tuyết, ông Phong khai. Về thời hạn thanh toán hai khoản vay năm 2018 vay không thời hạn khi nào cần thì báo trước, khoản vay năm 2019 là 100.000.000đ vay có thời hạn 20 ngày và bà có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc cho ông Phong, bà Tuyết.

Khoản vay ngày 12-3-2020 số tiền vay gốc 200.000.000đ bà Tuyết, ông Phong xuất trình cho Tòa giấy biên nhận vay tiền ghi nhận bà Thoa có vay và nhận của ông bà Phong Tuyết số tiền 200.000.000đ nếu không thanh toán tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, bà Thoa công nhận giấy biên nhận này đúng là bà có viết ghi nhận nợ cho ông Phong bà Tuyết giữ là đúng. Nhưng thực chất là bà nợ tiền bà Nhài, ông Thực 300.000.000đ đến khi bà Nhài phải trả nợ ngân hàng bà không có tiền trả nợ cho bà Nhài nên có cầm sổ vay nợ ngân hàng của bà Nhài đến nhờ ông Phong trả nợ giúp và bà viết giấy vay trên cho vợ chồng ông Phong giữ bản gốc. Do bà Thoa không được nhận tiền của ông Phong, bà Tuyết nên không chấp nhận trả khoản tiền này cho ông Phong, bà Tuyết. Còn việc bà nợ vợ chồng ông Thực, bà Nhài khi nào có thì bà trả cho ông Thực, bà Nhài không liên quan gì đến ông Phong.

* Tại bản tự khai ngày 10-5-2022, ông Nguyễn Văn T có lời khai không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết, ông Phong. Ông Toàn không có giao dịch thỏa thuận gì với vợ chồng bà Tuyết, ông Phong về việc chuyển nhượng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 27 xã HL và cũng không liên quan đến khoản vay nợ ngày 12-3-2020 số tiền 200.000.000đ mà bà Tuyết, ông Phong yêu cầu. Bà Thoa có vay mượn số tiền này của bà Tuyết, ông Phong hay không thì ông Toàn không biết, không ký vay nên không đồng ý trả nợ.

* Tại đơn trình bày ngày 08-8-2022, người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày: Xuất phát từ việc tháng 01/2019, vợ chồng bà Nhài có cho bà Trần Thị T vay số tiền 300.000.000đ, sau đó đến hạn trả nợ bà Thoa không trả. Đến ngày 12-3-2020, vợ chồng bà Nhài có khoản vay ngân hàng 200.000.000đ phải trả nợ, ông bà đã yêu cầu bà Thoa trả nợ tiền để trả cho ngân hàng bà Thoa đã đồng ý, và sau đó cầm sổ vay nợ của ông bà đi trả nợ cho bà Nhài số tiền 200.000.000đ trừ vào nợ, đến nay bà Thoa vẫn còn nợ lại vợ chồng bà Nhài, ông Thực 100.000.000đ. Vợ chồng bà Nhài không vay tiền của bà Tuyết, ông Phong bao giờ, do bà Thoa ký vay với ông Phong thì bà Thoa phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông Phong, bà Tuyết, không liên quan đến vợ chồng bà Nhài, ông Thực. Bà Nhài có công nhận cũng đã khai báo như trên với Công an xã HL.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2020/DS – ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH quyết định.

Căn cứ vào các Điều 166; Điều 357, Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147; Điều 229 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn T và bên nhận chuyển nhượng bà Lâm Thị T, ông Phạm Văn P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T kiện đòi nợ đối với bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 700.000.000đ và tiền lãi của ba khoản vay ngày 29-10-2018 số tiền 200.000.000đ; ngày 15-11-2018 số tiền 200.000.000đ; ngày 12-3-2020 số tiền 200.000.000đ tính từ ngày vay đến ngày xét xử là hợp pháp.

3. Buộc bà Trần Thị T phải thanh toán trả nợ cho vợ chồng bà Lâm Thị T, ông Phạm Văn P tổng số tiền nợ 967.996.000đ (chín trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó: nợ gốc 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi 267.996.000đ (hai trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

4. Bà Lâm Thị T, ông Phạm Văn P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CK635598 mang tên ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 18-12-2017 sau khi bà Thoa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Tuyết, ông Phong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị T phải nộp 41.039.880đ (bốn mươi một triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi đồng).

Hoàn lại cho bà Lâm Thị T số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006152 ngày 28-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HH.

6. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Ngày 07/9/2022 bà Trần Thị T kháng cáo 1 phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận việc bà Tuyết, ông

Phong yêu cầu bà phải trả khoản tiền 200.000.000đ nợ gốc và 49.036.000đ tiền lãi theo giấy biên nhận ngày 12/3/2020.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung trình bày, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 76/2020/DS – ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH theo hướng không chấp nhận tính lãi suất đối với khoản vay 200 triệu đồng với mức 10%/năm.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Trần Thị T làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với khoản vay ngày 12-3-2020:

Theo giấy vay tiền bản chính đề ngày 12-3-2020 ghi tại nhà ông Phạm Văn P, bà Lâm Thị T do bà Tuyết nộp và giấy vay tiền cùng ngày 12-3-2020 ghi tại Ngân hàng bản phô tô do bà Thoa xuất trình thì thấy: Hai giấy vay tiền trên trùng khớp nhau về ngày viết giấy là ngày 12-3-2020 và số tiền gốc là 200.000.000đ. Mặc dù bà Thoa không công nhận bà vay số tiền 200.000.000đ ngày 12-3-2020 của bà Tuyết, ông Phong mà cho rằng bà chỉ đem sổ vay vốn của ông Thực, bà Nhài đến nhờ ông Phong trả khoản nợ ngân hàng giúp ông Thực, bà Nhài, và việc vay nợ này là ông Phong, bà Tuyết cho ông Thực, bà Nhài vay. Tuy nhiên, theo giấy vay tiền ngày 12-3-2020 tại ngân hàng (bản phô tô bà Thoa xuất trình) có nội dung: *“Tôi có vay và đã nhận của ông bà Tuyết và ông Phong để đáo hạn NH cho ông Nguyễn Văn Thực Nhài số tiền 200.000.000đ để đáo hạn ngân hàng vì ông Thực Nhài nhờ tôi, giấy vay NH nhờ ông Phong đáo hạn và nấy nạy”; “Trường hợp tôi không thanh toán đúng hạn vì bất kỳ lý do gì, tôi đồng ý bồi thường cho ông bà Phong số tiền là 200.000.000đ”*. Mặt khác, người làm chứng bà Nguyễn Thị N có lời khai khẳng định vợ chồng bà không giao dịch vay tiền của ông Phong, bà Tuyết. Việc bà Thoa đem sổ vay vốn của bà Nhài, ông Thực đi trả ngân hàng 200.000.000đ là xuất phát từ việc bà Thoa còn nợ ông Thực, bà Nhài số tiền 300.000.000đ, khi bà Nhài đòi nợ bà Thoa thì bà Thoa đã đồng ý mang

giấy tờ này đi trả Ngân hàng cho bà để trừ nợ số tiền đã vay của bà Nhài chứ bà Nhài không hỏi vay ông Phong, bà Tuyết.

Bà Thoa có công nhận hai giấy vay tiền cùng ngày 12-3-2020 đều do chính tay bà Thoa viết nhưng bà Thoa không nhận nợ, bà Thoa đưa ra các lý do nhưng không có căn cứ và không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Như vậy, việc bà Thoa có ký giấy vay tiền ngày 12-3-2020 có nội dung cam kết bà Thoa là người vay của ông Phong, bà Tuyết và có nhờ ông Phong đi trả nợ cho bà Nhài để trừ khoản nợ bà Thoa vay của bà Nhài là sự việc có thật. Do đó, Tòa án sơ thẩm buộc bà Thoa phải trả cho ông Phong, bà Tuyết số tiền 200.000.000đ nợ gốc là có căn cứ.

Về lãi suất: Ông Phong, bà Tuyết khẳng định giữa gia đình ông bà và gia đình bà Thoa không có anh em, họ hàng gì, các khoản vay mà bà Thoa đã vay của vợ chồng bà đều tính lãi. Giấy vay tiền ngày 12-3-2020 số tiền 200.000.000đ không ghi nội dung thỏa thuận về lãi nhưng cũng như những khoản vay trước đó (ngày 29-10-2018; 15-11-2018 và 15-02-2019) mặc dù hai bên không ghi thỏa thuận lãi trong giấy nhưng đều thỏa thuận miệng có lãi suất, thực tế thì bà Thoa đã thừa nhận các khoản vay trước đó đều có lãi và đồng ý trả cho bà Tuyết mức lãi suất 1,2%/tháng đối với các khoản vay trước đó. Do đó có căn cứ xác định khoản vay ngày 12-3-2020 với số tiền 200.000.000đ giữa bà Thoa và ông Phong, bà Tuyết có thỏa thuận miệng về lãi suất. Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Tuyết, ông Phong buộc bà Thoa trả lãi đối với khoản vay ngày 12-3-2020 số tiền 200.000.000đ tính từ ngày vay đến ngày xét xử là có căn cứ.

[3] Từ sự phân tích nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị đơn không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì mới cũng như không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy kháng cáo của bà Trần Thị T là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Bà Thoa phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bà Tuyết không phải nộp án phí, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Kháng cáo của bà Thoa không được chấp nhận nên bà Thoa phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2020/DS – ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH

Căn cứ vào các Điều 166; Điều 357, Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn T và bên nhận chuyển nhượng bà Lâm Thị T, ông Phạm Văn P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T kiện đòi nợ đối với bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 700.000.000đ và tiền lãi của ba khoản vay ngày 29-10-2018 số tiền 200.000.000đ; ngày 15-11-2018 số tiền 200.000.000đ; ngày 12-3-2020 số tiền 200.000.000đ tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Buộc bà Trần Thị T phải thanh toán trả nợ cho vợ chồng bà Lâm Thị T, ông Phạm Văn P tổng số tiền nợ 967.996.000đ (chín trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó: nợ gốc 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi 267.996.000đ (hai trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

4. Bà Lâm Thị T, ông Phạm Văn P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CK635598 mang tên ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 18-12-2017 sau khi bà Thoa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Tuyết, ông Phong.

5. Án phí:

Bà Trần Thị T phải nộp 41.039.880đ (Bốn mươi một triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006275 ngày 07/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HH..

Hoàn trả lại cho bà Lâm Thị T số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006152 ngày 28-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HH.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện HH;
- Chi cục THADS huyện HH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng